

CHUÔNG ĐỒNG PHẬT GIÁO THỜI NGUYỄN - BIỂU TƯỢNG TRIẾT LÝ VÀ DI SẢN VĂN HÓA

NGUYỄN HỒNG DƯƠNG*

Tóm tắt: Chuông đồng Phật giáo thời Nguyễn - một di sản văn hóa quan trọng tại Việt Nam với giá trị nghệ thuật và thẩm mỹ độc đáo, phản ánh triết lý cũng như tinh thần Phật giáo của triều đại nhà Nguyễn (1802-1945). Chuông đồng thời kỳ này không chỉ là công cụ nghi lễ mà còn là biểu tượng văn hóa tâm linh, thể hiện sự hòa quyện giữa nghệ thuật tạo hình và triết lý Phật giáo. Khám phá bối cảnh lịch sử, văn hóa triều Nguyễn giúp làm sáng tỏ vai trò của chuông đồng trong tín ngưỡng và đời sống cộng đồng. Việc phân tích các thành tố di sản với hệ thống chạm khắc trên bề mặt chuông như rồng, phượng, hoa sen... góp phần giải mã những ý nghĩa triết học và giá trị thẩm mỹ của Phật giáo mà chuông đồng truyền tải, nhấn mạnh tính độc đáo của chuông đồng như một biểu tượng tôn giáo và mỹ thuật phong kiến. Ngoài ra, đề xuất các phương pháp bảo tồn trong bối cảnh hiện đại nhằm lan tỏa giá trị văn hóa và tinh thần của di sản này đến các thế hệ tương lai.

Từ khóa: bảo tồn di sản, chuông đồng Phật giáo, di sản văn hóa, triết lý Phật giáo.

Abstract: Buddhist bronze bells of the Nguyen Dynasty - an important cultural heritage in Vietnam with unique artistic and aesthetic values, reflecting the philosophy and spirit of Buddhism of the Nguyen Dynasty (1802-1945). Bronze bells of this period were not only ritual tools but also spiritual and cultural symbols, demonstrating the harmony between visual arts and Buddhist philosophy. Exploring the historical and cultural context of the Nguyen Dynasty helps to clarify the role of bronze bells in beliefs and community life. Analyzing the Heritage elements with the system of carvings on the surface of the bells such as dragons, phoenixes, lotus flowers... contribute to decoding the philosophical meanings and aesthetic values of Buddhism that the bronze bells convey, emphasizing the uniqueness of bronze bells as a symbol of religion and feudal fine arts. In addition, proposing conservation methods in a modern context to spread the cultural and spiritual values of this heritage to future generations.

Keywords: heritage conservation, buddhist bronze bell, cultural heritage, Philosophy.

1. Bối cảnh lịch sử và văn hóa thời Nguyễn

“Trong lịch sử Việt Nam, từ thời Phùng Nguyên đến thời Đông Sơn, qua thời Bắc thuộc đến tận cuối thời tự chủ, không bao giờ thiếu vắng những trung tâm đúc đồng lớn” (1). Theo nghiên cứu của Hoàng Xuân Chinh “chuông cũng là loại hiện vật thường gặp trong đồ đồng Đông Sơn. Đặc điểm chung của chuông Đông Sơn là thân chuông có dáng gập một nửa hình bầu dục dẹt, miệng chuông gập hình bầu dục, trên đỉnh chuông thường có núm nhỏ hoặc một đôi sừng chia ra hai bên” (2). Như vậy, truyền thống đúc đồng từ thời Đông Sơn tiếp tục phát triển qua các triều đại phong kiến, đặc biệt, đạt đến đỉnh cao trong thời kỳ nhà Nguyễn.

Triều đại phong kiến cuối cùng của Việt Nam, thừa hưởng kỹ thuật đúc đồng từ các thời kỳ trước

tiếp tục phát triển và nâng cao nghệ thuật này, đặc biệt là trong chế tác chuông đồng Phật giáo. Dưới sự bảo trợ của triều đình, nghệ thuật đúc đồng được các nghệ nhân chú trọng hơn bao giờ hết, nhằm tạo ra những sản phẩm có giá trị cao về thẩm mỹ. Đặc biệt, ở nghệ thuật đúc chuông Đại hồng chung ở chùa Thiên Mụ, “Chúa Nguyễn Phúc Chu cho đúc đại hồng chung vào tháng 4 năm canh dần (1710). Đường kính 1,4m, cao 2,5m, nặng 3285kg. Đây là đại hồng chung lớn nhất ở Huế và là một tác phẩm mỹ thuật quý giá ở Việt Nam đầu thế kỷ XVIII” (3), với “Thân chuông được chia thành 4 phần đều đặn do 4 dải sóng thẳng theo tứ phương, 4 hình rồng và 4 hình chim phụng hoàng xen kẽ. Biểu tượng rồng và phụng luôn ở trong tư thế động, đan xen vào nhau nhẹ nhàng, thanh thoát tạo nét vận động của

khí trời cũng như triết lý sâu sắc của nhà Phật” (4). Trong một nghiên cứu của Phan Lê Chung chỉ ra rằng: “Chuông đồng không chỉ là pháp khí Phật giáo mà còn là di sản vật thể của cộng đồng cư dân bản địa” (5), nó không chỉ là một tác phẩm nghệ thuật, bởi “thông qua các trang trí và văn khắc trên chuông có thể thấy được giá trị về mỹ thuật, văn hóa, lịch sử” (6). Không chỉ là phương tiện truyền tải triết lý và tinh thần của một giai đoạn lịch sử đầy biến động, mà còn là phương tiện giúp gắn kết cộng đồng, củng cố niềm tin và an ổn tinh thần trong xã hội thời bấy giờ. Sự hiện diện của chuông đồng tại các chùa và lễ hội cũng được xem là cầu nối giữa thế giới tâm linh và con người, là công cụ hỗ trợ việc thiền định và thể hiện lòng tôn kính đối với đức Phật. Triều Nguyễn, với sự bảo trợ và coi trọng Phật giáo, đã tạo nên một bối cảnh đặc biệt để chuông đồng phát triển thành một phần di sản văn hóa và nghệ thuật tâm linh quý báu.

2. Giá trị nghệ thuật và thẩm mỹ của chuông đồng thời Nguyễn

Chuông đồng Phật giáo thời Nguyễn là một hiện thân đặc sắc của nghệ thuật Phật giáo Việt Nam, kết tinh qua các hình tượng chạm khắc tinh xảo và mang ý nghĩa biểu tượng sâu sắc. Các chi tiết trên chuông đồng mang lại giá trị thẩm mỹ, đồng thời phản ánh những giá trị triết học và tín ngưỡng của Phật giáo, thể hiện tầm ảnh hưởng của tôn giáo này trong đời sống văn hóa xã hội thời kỳ phong kiến.

Biểu tượng và ý nghĩa chạm khắc

Hình tượng rồng: Trong văn hóa Việt Nam, rồng từ lâu được coi là biểu tượng của quyền lực và uy nghiêm, liên quan mật thiết đến các giá trị hoàng gia. Rồng xuất hiện trên chuông đồng thời Nguyễn không chỉ là biểu hiện cho sức mạnh của triều đình mà còn là hình ảnh của sự bảo hộ trong tâm linh Phật giáo. Nghiên cứu của Leopold Cadiere chỉ ra rằng: “nét duyên dáng, tinh tế đôi khi màu mè của nghệ thuật Huế thì phù hợp cho mẫu người tinh tế, mảnh khảnh, thường mang phong thái quý phái của người dân Huế, phù hợp với nét văn hóa tinh tế quý hiếm của xứ này” và khẳng định “có thể nói là nghệ nhân Huế đã cho tác phẩm mình thích ứng và phù hợp với xứ sở con người nơi đây” (7). Các nghệ nhân thời Nguyễn đã chọn cách chạm khắc rồng với tư thế uốn lượn mềm mại nhưng vẫn toát lên sức mạnh, sử dụng các nét cong uyển chuyển, thể hiện sự dẻo dai và linh hoạt, đường nét khắc họa rồng trên chuông đồng thường rất chi tiết, bao gồm cả các phần như vẩy, mắt và râu, tạo cảm giác mạnh mẽ, sinh động. Tiêu biểu là chuông *Văn Nghiêu tự chung* cân nặng khoảng 25kg, chiều cao 70cm, đường kính miệng 35cm, thân cao 52cm.

Hình tượng phượng hoàng: Phượng hoàng, biểu tượng của hòa bình, phúc lành và trí tuệ, thường được chạm khắc kèm với rồng để thể hiện sự cân bằng âm dương và ý nghĩa phồn thịnh. Hình ảnh Phượng hoàng trên chuông đồng thời Nguyễn được miêu tả với các chi tiết phức tạp, bao gồm lông đuôi dài và đôi cánh dang rộng, thể hiện phong thái cao quý và niềm tin vào một tương lai hòa bình. Sự kết hợp giữa rồng và Phượng hoàng phản ánh mong muốn về một đất nước thịnh vượng, nơi Phật giáo đóng vai trò là nền tảng tinh thần cho xã hội. Các chi tiết lông đuôi, mắt và tư thế dang rộng của Phượng hoàng biểu thị sự thanh cao và tinh khiết của Phật pháp, đồng thời mang lại sự hài hòa cho bố cục chạm khắc của chuông.

Hình tượng hoa sen: Hoa sen là một biểu tượng quen thuộc trong Phật giáo, thể hiện sự thanh tịnh, trí tuệ và giác ngộ. Trên chuông đồng thời Nguyễn, hoa sen thường xuất hiện ở phần cổ, thân hoặc đáy chuông, với những cánh sen được chạm khắc tỉ mỉ, xếp đều đặn xung quanh chuông. Đối với người nghe, âm thanh của chuông vang vọng qua những hình tượng hoa sen không chỉ mang lại sự tĩnh tâm mà còn nhắc nhở về hành trình tu tập và tự thức tỉnh của con người. Kỹ thuật chạm khắc trau chuốt, hoàn hảo trên chuông đồng giúp khơi dậy sự thanh tịnh trong lòng người nghe, cũng là lời cầu nguyện cho sự bình an, đồng thời là ước vọng về cuộc sống thái bình của vương triều Nguyễn.

Minh văn trên chuông đồng: Những dòng minh văn được khắc trên chuông thường là các câu kinh Phật, lời cầu nguyện cho hòa bình, sự an lành và những lời tán tụng về công đức của Phật. Minh văn phản ánh trực tiếp tinh hình Phật giáo thời kỳ này, cũng như tư tưởng và nguyện vọng an bình của người dân và triều đình. Minh văn trên chuông đồng thời Nguyễn thường bao gồm những đoạn kinh văn Phật hoặc các câu thân chú nhằm kêu gọi lòng từ bi, trí tuệ và sự giác ngộ, để tôn vinh các vị Phật và Bồ Tát, cầu mong sự che chở và bảo hộ cho nhân dân. Điều này cho thấy tư tưởng Phật giáo đã thấm nhuần trong đời sống của người dân và được triều đình Nguyễn rất coi trọng. Minh văn không chỉ là một phần trong tín ngưỡng mà còn là lời cầu nguyện chung cho sự hòa bình và sự an lạc của quốc gia, thể hiện tinh thần từ bi và lòng hướng thiện.

Một số minh văn trên chuông đồng thời Nguyễn còn bao gồm những lời ca ngợi sự bảo trợ của vua, chúa đối với Phật giáo, thể hiện lòng trung thành và tôn kính đối với triều đình. Chẳng hạn, nhiều minh văn nhắc đến công đức của các vị hoàng đế trong việc xây dựng và trùng tu chùa chiền, bảo vệ Phật pháp và khuyến khích đời sống tâm linh. Như trên

Đại hồng chung ở chùa Thiên Mụ có ghi: “Đại Việt quốc chúa Nguyễn Phúc Chu, Tào Động thượng chánh tông, tam thập đại, pháp danh Hưng Long chú tạo hồng chung”. Những dòng minh văn này là sự ghi nhận tên người tạo và mục đích đúc chuông thể hiện sự ủng hộ đối với Phật giáo, “Duy nguyện phong điều vũ thuận, quốc thái dân an” với mong ước đất nước có gió thuận mưa hòa, quốc gia được an lành, thái bình, và người dân được sống yên ổn, hạnh phúc. Đây là lời cầu nguyện cho hòa bình, ổn định và thịnh vượng. “Pháp giới chúng sinh, đồng viên chung trí” mong rằng: tất cả chúng sinh trong pháp giới (vũ trụ) đều đạt được trí tuệ viên mãn, tức là đạt được trí tuệ và sự giác ngộ.

Các văn tự trên chuông đồng không chỉ có ý nghĩa tôn giáo mà còn là nguồn tư liệu quý giá giúp các nhà nghiên cứu hiểu rõ hơn về văn hóa, ngôn ngữ cũng như lịch sử xã hội thời Nguyễn. Minh văn thể hiện sự phong phú và đa dạng của ngôn ngữ, những dòng chữ này cũng phản ánh phong cách ngôn ngữ trang trọng, súc tích, cho thấy sự tinh tế trong cách biểu đạt của người xưa. Nhìn vào các minh văn trên chuông đồng thời Nguyễn, chúng ta có thể thấy được tình hình Phật giáo, tư tưởng văn hóa, và lòng hướng thiện của người dân trong bối cảnh xã hội phong kiến.

Kỹ thuật chế tác và giá trị thẩm mỹ

Quy trình chế tác chuông đồng thời Nguyễn là một công đoạn phức tạp, đòi hỏi sự tỉ mỉ và kinh nghiệm của các nghệ nhân. Đầu tiên, nghệ nhân phải chọn lựa loại đồng chất lượng cao để đảm bảo độ bền và âm vang cũng như độ ngân của chuông. Sau khi đồng được nung chảy ở nhiệt độ cao, nghệ nhân đổ đồng vào khuôn chuông đã được tạo hình từ trước bằng đất sét hoặc cát. Để đảm bảo các chi tiết chạm khắc trên chuông nổi bật, các nghệ nhân thường chạm khắc các hoa văn và biểu tượng như rồng, phượng và hoa sen lên bề mặt khuôn trước khi đổ đồng, sau đó làm nguội và đánh bóng để hoàn thiện. Sự công phu trong từng công đoạn chế tác đã tạo nên những chiếc chuông đồng với âm thanh vang xa cùng hình thức mỹ thuật tinh tế.

Từng hoa văn và biểu tượng trên chuông đồng thời Nguyễn phần nhiều đều được chạm khắc thủ công, đòi hỏi độ chính xác cao từ người thợ. Một trong những nét đặc sắc của chuông đồng thời Nguyễn là nghệ thuật chạm khắc hoa văn và các biểu tượng tôn giáo phong phú. Đặc biệt là **Đại hồng chung** ở chùa Thiên Mụ với những hình chạm nổi bát bửu trên thân chuông, ở giữa tám vật quý này đều có một dải quán ngang ở giữa cùng hai đầu uốn lượn, tạo nên sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố mỹ thuật và tín ngưỡng. Đây không chỉ là nét nghệ thuật trang

trí đầy biểu cảm mà còn phản ánh giá trị tinh thần và triết lý Phật giáo, nơi nghệ thuật được thể hiện qua những họa tiết tinh xảo và bố cục hài hòa. Các nghệ nhân thời kỳ này đã sử dụng kỹ thuật khắc nổi, khắc chìm để tạo nên các chi tiết như rồng, phượng, và hoa sen, sóng nước... Đường nét của rồng được khắc rất chi tiết, từ vảy, mắt, đến râu đều được chú trọng hiện rõ sự uy nghiêm, mềm mại mà mạnh mẽ. Hình ảnh phượng hoàng được tạo hình với đôi cánh dang rộng và lông đuôi dài, thể hiện phong thái thanh cao tượng trưng cho hòa bình, phúc lành. Hoa sen, biểu trưng của sự thuần khiết, thanh tịnh và giác ngộ trong Phật giáo, thường xuất hiện trên cổ và thân chuông với các cánh sen được xếp đều đặn, mang lại chiều sâu thẩm mỹ và giá trị tâm linh cho tác phẩm.

Kỹ thuật chế tác chuông đồng dưới triều Nguyễn đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật đúc đồng Việt Nam, thể hiện trình độ kỹ thuật và tay nghề tinh xảo của các nghệ nhân đương thời. Không chỉ là công cụ tôn giáo mà còn là biểu tượng văn hóa, là sản phẩm của một thời đại mà nghệ thuật và tín ngưỡng đan xen hài hòa. Chuông đồng thời Nguyễn là tác phẩm nghệ thuật mang đậm dấu ấn, một di sản có giá trị to lớn về mặt thẩm mỹ và tâm linh không thể thay thế trong lịch sử văn hóa Việt Nam.

Sự kết hợp giữa thẩm mỹ và tín ngưỡng

Chuông đồng thời Nguyễn không chỉ là một công cụ trong các nghi lễ Phật giáo mà còn là một biểu tượng thẩm mỹ độc đáo, nơi hội tụ những giá trị nghệ thuật và tín ngưỡng. Mỗi chi tiết trên chuông đồng, từ hình ảnh rồng, phụng đến hoa sen và các minh văn, đều mang những ý nghĩa sâu sắc, kết nối giữa tâm linh và đời sống văn hóa.

Hình tượng rồng được chạm khắc uy nghiêm và sinh động, biểu trưng cho sức mạnh và sự bảo hộ. Trong tư tưởng Phật giáo, rồng không chỉ là biểu tượng hoàng gia mà còn là linh vật bảo vệ cho đức tin, xua đuổi tà ma và những thế lực đen tối. Hình tượng phượng hoàng, với đôi cánh dang rộng và lông đuôi dài mềm mại, thể hiện sự hòa hợp và phúc lành, tượng trưng cho ước vọng về một cuộc sống thanh bình và hài hòa. Hoa sen, biểu tượng phổ biến nhất của Phật giáo, tượng trưng cho sự giác ngộ, thanh tịnh và trí tuệ. Sen mọc từ bùn lầy mà vẫn giữ được sự tinh khiết, là hình ảnh ẩn dụ cho con đường tu tập vượt qua đau khổ và vô minh để đạt tới sự thanh cao và tịnh lạc. Chính sự hiện diện của những biểu tượng này đã biến chuông đồng thành một tác phẩm nghệ thuật tôn giáo, giúp truyền tải triết lý Phật giáo sâu sắc đến mọi người.

Âm thanh của chuông đồng không chỉ là một tín hiệu trong các nghi lễ tôn giáo mà còn mang ý nghĩa như một cầu nối tâm linh, đưa người nghe đến trạng thái tĩnh lặng và thiền định. Sắc âm của chuông thời

kỳ này có độ vang xa và ngân dài, giúp người nghe dễ dàng đạt được sự an tĩnh nội tâm, hòa quyện với không gian, xoa dịu tâm hồn cũng như cảm nhận được sự vô thường của cuộc sống. Trong truyền thống Phật giáo, tiếng chuông được coi là âm thanh thanh tịnh, giúp giải thoát con người khỏi những phiền não, đưa tâm hồn con người về với sự thanh khiết và giác ngộ. Mỗi lần chuông ngân, đó không chỉ là tiếng vọng của kim loại mà còn là tiếng nói của lòng từ bi đồng thời nhắc nhở về tâm hướng thiện, yêu thương và bao dung. Đặc biệt, trong các dịp lễ hội, lễ cầu an, cầu siêu. Âm thanh chuông vang vọng khắp không gian, đem lại sự bình yên và ổn định tinh thần cho người dân. Các nghi lễ tôn giáo có sử dụng tiếng chuông không chỉ nhằm cầu nguyện mà còn góp phần kết nối giữa con người với thế giới tâm linh.

3. Phương pháp bảo tồn và phát huy giá trị chuông đồng trong bối cảnh hiện đại

Di sản văn hóa chuông đồng Phật giáo thời Nguyễn không chỉ mang giá trị lịch sử mà còn là tài sản tinh thần quý báu, cần được bảo tồn và phát huy trong bối cảnh hiện đại. Việc bảo quản chuông đồng là một thách thức bởi đồng dễ bị oxy hóa và hư hỏng theo thời gian. Các nhà bảo tồn hiện nay sử dụng các phương pháp hiện đại như phủ lớp bảo vệ để ngăn ngừa ăn mòn, phục hồi các phần bị hư hỏng bằng cách sử dụng công nghệ phục dựng. Việc bảo tồn các chuông đồng cổ tại các bảo tàng, chùa chiền, và không gian tôn giáo giúp duy trì giá trị di sản và đảm bảo rằng những tác phẩm này có thể tiếp tục phục vụ cho các nghi lễ tôn giáo và văn hóa. Việc tổ chức các buổi triển lãm, hội thảo và các hoạt động giáo dục tại bảo tàng nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng về giá trị của chuông đồng thời Nguyễn cũng là một phương pháp bảo tồn quan trọng. Những buổi học, trải nghiệm thực tế về kỹ thuật đúc chuông và giá trị văn hóa của chuông đồng giúp thế hệ trẻ hiểu rõ và trân trọng di sản văn hóa của dân tộc, từ đó khuyến khích họ tham gia bảo vệ và gìn giữ những giá trị truyền thống.

Trong thời đại kỹ thuật số, việc số hóa các hiện vật văn hóa đang trở thành xu hướng để bảo tồn di sản. Công nghệ 3D và quét laser đã được ứng dụng để tạo ra mô hình số của chuông đồng, giúp lưu giữ hình ảnh và cấu trúc chi tiết của chuông đồng một cách bền vững. Các mô hình 3D này có thể được chia sẻ qua các nền tảng trực tuyến, giúp người dân và du khách quốc tế có thể chiêm ngưỡng di sản văn hóa Việt Nam từ xa, đồng thời giảm áp lực tiếp xúc trực tiếp lên hiện vật gốc.

Những phương pháp bảo tồn trên không chỉ giúp duy trì tính nguyên bản của chuông đồng mà còn mở ra cơ hội để phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam

trong bối cảnh hiện đại, đem lại sự kết nối giữa quá khứ và hiện tại.

4. Kết luận

Chuông đồng thời Nguyễn không chỉ là một pháp khí tôn giáo mà còn là biểu tượng văn hóa, khẳng định sức mạnh của nghệ thuật và tín ngưỡng trong việc xây dựng cộng đồng gắn kết và hướng thiện. Với kỹ thuật chế tác tinh xảo, các biểu tượng chạm khắc giàu ý nghĩa và sắc âm thanh liêng, thể hiện một sự hòa quyện tuyệt vời giữa thẩm mỹ và tín ngưỡng, đưa con người đến gần hơn với thế giới tâm linh cùng những triết lý nhân văn cao quý của Phật giáo.

Trong suốt chiều dài lịch sử phát triển của dân tộc, chuông đồng đã không ngừng đóng góp vào đời sống tinh thần của người dân Việt. Đây không chỉ là vật dụng tín ngưỡng mà là cầu nối giữa quá khứ - hiện tại, giữa tín ngưỡng và nghệ thuật. Việc bảo tồn cũng như phát huy ý nghĩa của chuông đồng thời Nguyễn giúp gìn giữ một di sản độc đáo, góp phần lan tỏa giá trị triết lý. Như một chứng nhân thời gian, chuông đồng khắc ghi tinh hoa mỹ cảm và văn hóa, đồng thời truyền tải thông điệp hòa bình, từ bi, lòng hướng thiện qua nhiều thế kỷ. Di sản này đã, đang và sẽ tiếp tục là biểu tượng trường tồn của văn hóa Việt Nam, khẳng định sức mạnh của nghệ thuật phục vụ tín ngưỡng trong việc xây dựng một cộng đồng gắn kết với khát vọng bình an, để những giá trị nhân văn của triều đại nhà Nguyễn luôn tỏa sáng và được kế thừa bởi các thế hệ tương lai ■

N.H.D

1. Phạm Hữu Công, *Vài nét về nghệ thuật đúc đồng ở Sài Gòn xưa. Văn hóa nghệ thuật Nam Bộ*, Nxb Văn hóa - Thông Tin, Hà Nội, 1997, tr.242.

2. Hoàng Xuân Chinh, *Đồ đồng văn hóa Đông Sơn*, Nxb Văn hóa Thông Tin, 2012, tr.136,167.

3. Võ Văn Tường, *Việt Nam danh lam cổ tự*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992, tr.399.

4, 6. Phan Lê Chung, *Giá trị tạo hình trên đồ đồng triều Nguyễn thế kỷ XIX*. Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, số 361, 7-2014, tr.110, 112.

5. Phan Lê Chung, LTT Hương, NTH Lê, *Trang trí trên một số chuông đồng thời nhà Nguyễn tại Tỉnh Quảng Bình*, 2024, tr.112.

7. Leopold Cadiere, Đỗ Trinh Huệ biên dịch và bổ chú, *Văn hóa, Tín ngưỡng và thực hành tôn giáo người Việt*, Nxb Thế giới, 2021, tr.1093.

Ngày Tòa soạn nhận bài: 15-10-2025; Ngày phản biện, đánh giá, sửa chữa: 23-10-2025; Ngày duyệt đăng: 29-11-2025.